

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 02-12-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-01-2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị T, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản LT, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Tòng Văn T, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản LT, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị Lò Thị T và anh Tòng Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tòng Văn T nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm vợ con, hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Tòng Văn T bị bắt đi tù từ năm 2023 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Tòng Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Tòng Văn T có 02 con chung là cháu Tòng Thị AN, sinh ngày 16/7/2017 và cháu Tòng Thị AN1, sinh ngày 20/01/2020. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Lò Thị T.

Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị AN và cháu Tòng Thị AN1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tòng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tòng Văn T trình bày (có xác nhận của Trại giam Thanh Cẩm):

Anh Tòng Văn T và chị Lò Thị T kết hôn với nhau từ tháng 7/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, anh Tòng Văn T vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù không có điều kiện chăm sóc gia đình. Nay chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn, anh Tòng Văn T nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Về con chung: Anh Tòng Văn T và chị Lò Thị T có 02 con chung là cháu Tòng Thị AN, sinh ngày 16/7/2017 và cháu Tòng Thị AN1, sinh ngày 20/01/2020. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Lò Thị T.

Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 30/12/2024 xác định: Anh Tòng Văn T và chị Lò Thị T kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Tòng Văn T nghiện ma túy. Anh Tòng Văn T đi chấp hành án phạt tù từ năm 2023, chị Lò Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của anh T và chị T. Chị T có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Tòng Thị AN, sinh ngày 16/7/2017 (Biên bản ghi ý kiến ngày 02/01/2025): Cháu Tòng Thị AN có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị T giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và có yêu cầu miễn án phí.

Anh Tòng Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (có xác nhận của Trại giam Thanh Cẩm) với nội dung: Anh T giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Tòng Văn T.

Về con chung: Giao cháu Tòng Thị AN, sinh ngày 16/7/2017 và cháu Tòng Thị AN1, sinh ngày 20/01/2020 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Tòng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Tòng Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại bản LT, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Tòng Văn T vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Tòng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị T và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tòng Văn T nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm vợ con, hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đi chấp hành án phạt tù từ năm 2023 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Tòng Văn T. Anh T nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị T và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do anh Tòng Văn T nghiện ma túy đang phải chấp hành án, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Tòng Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Tòng Văn T có 02 con chung là cháu Tòng Thị AN, sinh ngày 16/7/2017 và cháu Tòng Thị AN1, sinh ngày 20/01/2020. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Lò Thị T.

Chị Lò Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị AN và cháu Tòng Thị AN1. Anh Tòng Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của cháu Tòng Thị AN có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến của cháu Tòng Thị AN có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị T. Anh Tòng Văn T đang chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng con. Chị Lò Thị T có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị Lò Thị T và anh Tòng Văn T sống ly thân, chị T đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn, giao cháu Tòng Thị AN và cháu Tòng Thị AN1 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tòng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Tòng Văn T đang chấp hành án phạt tù không có điều kiện cấp dưỡng và chị Lò Thị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Tòng Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Tòng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị AN, sinh ngày 16/7/2017 và cháu Tòng Thị AN1, sinh ngày 20/01/2020 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tòng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lò Thị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh T) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Tòng Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Tòng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh